

Số: 04/KL-TTr

Đắk Nông, ngày 16 tháng 10 năm 2024

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Việc thực hiện các quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong

Thực hiện Quyết định số 04/QĐ-SYT ngày 20/8/2024 của Thanh tra Sở Y tế tỉnh Đắk Nông về việc Thanh tra việc thực hiện các quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong, từ ngày 28/8/2024 đến ngày 30/8/2024, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra đối với Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong.

Xét Báo cáo số 01/BC-ĐTTr ngày 07/10/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra Sở kết luận thanh tra như sau:

#### I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Huyện Đắk Glong nằm về phía Đông Nam của tỉnh Đắk Nông, cách thành phố Gia Nghĩa 30km theo hướng quốc lộ 28. Phía Đông Bắc giáp với huyện Lắk thuộc tỉnh Đắk Lắk; phía Đông giáp huyện Đam Rông thuộc tỉnh Lâm Đồng; phía Đông Nam giáp huyện Lâm Hà; phía Nam giáp huyện Di Linh và Bảo Lâm (Lâm Đồng); phía Tây Nam giáp huyện Đắk R'lấp và thành phố Gia Nghĩa; phía Tây giáp huyện Đắk Song và phía Bắc giáp huyện Krông Nô tỉnh Đắk Nông. Diện tích tự nhiên là 1.448,75km<sup>2</sup>, bao gồm 07 xã, có 61 thôn, bon, buôn. Dân số toàn huyện có 18.016 hộ, 77711 khẩu, mật độ dân số trung bình khoảng 56 người/km<sup>2</sup>.

Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong được tổ chức lại theo Quyết định 1545/QĐ-UBND ngày 28/09/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện.

Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong là một đơn vị tuyến huyện hạng III nằm ở trung tâm của huyện và tiếp giáp với các huyện Bảo Lâm và huyện Di Linh của tỉnh Lâm Đồng, cách Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông 22 km. Có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, dân số; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật cho người dân trên địa bàn huyện và các vùng lân cận, ngoài ra tham gia chỉ đạo tuyến cho y tế cơ sở, hợp tác quốc tế, là cơ sở thực tập cho học sinh, sinh viên từ các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp về chuyên ngành y, dược.

- Tổ chức bộ máy: Ban Giám đốc gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- 03 phòng chức năng: Phòng Tổ chức Hành chính - Kế toán; Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ; Phòng Điều dưỡng – Dân số và Truyền thông.

- 08 khoa chuyên môn: Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS; Khoa Y tế công cộng và dinh dưỡng - An toàn thực phẩm; Khoa khám - Cấp cứu – Liên chuyên khoa; Khoa Nội - Nhi - Nhiễm; Khoa Ngoại - CSSKSS và Phụ sản; Khoa Y học cổ truyền và PHCN; Khoa Dược - TTB - VTYT; Khoa Xét nghiệm - CDHA.

- 07 Trạm Y tế xã: Trạm Y tế xã Quảng Khê; Trạm Y tế xã Đăk Plao; Trạm Y tế xã Đăk Som; Trạm Y tế xã Đăk R'măng; Trạm Y tế xã Đăk Ha; Trạm Y tế xã Quảng Sơn; Trạm Y tế xã Quảng Hòa.

- Phạm vi hoạt động: Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Thông tư 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 Thông tư 21/2017/TT-BYT sửa đổi Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh kèm theo Thông tư 43/2013/TT-BYT quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Giấy phép hoạt động số 000079/ĐNO-CCHN ngày cấp 05/12/2018 do Sở Y tế tỉnh Đăk Nông cấp;

- Tình hình nhân lực: Tính đến tháng 08/2024, tổng số lao động là 140 người, trong đó: 27 bác sĩ (chiếm 19%); 96 điều dưỡng, y sĩ, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên, dược sĩ (chiếm 69%); số còn lại 17 người bao gồm kế toán, hành chính, lái xe, hộ lý, bảo vệ, trình độ khác (chiếm 12%). Tuyển huyện: 91 người. Tuyển xã: 49 người.

- Tỷ lệ bác sĩ/điều dưỡng: 27/33 tương đương: 1/1.22. Trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ 6.4%, Đại học chiếm tỷ lệ 45.7 %, Cao đẳng chiếm tỷ lệ 12.9%; Trung cấp chiếm tỷ lệ 30 %; Trình độ khác chiếm tỷ lệ 5%.

## **II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **1. Chấp hành Quy chế Bệnh viện**

#### ***1.1. Xây dựng và áp dụng Quy trình kỹ thuật***

- Hàng năm, đơn vị đều thực hiện rà soát các phác đồ điều trị để bổ sung danh mục kỹ thuật. Đến thời điểm kiểm tra, Trung tâm Y tế huyện Đăk GLong đã xây dựng, ban hành và áp dụng: 148 phác đồ điều trị, 297 quy trình kỹ thuật, 97 quy trình chăm sóc người bệnh.

- Đơn vị có ban hành quy chế chuyên môn<sup>1</sup> hàng năm.

- Năm 2024, Trung tâm Y tế huyện Đăk GLong đã có văn bản triển khai về việc cập nhật, bổ sung phác đồ điều trị và đăng kí danh mục kỹ thuật phê duyệt năm 2024: Công văn số 45/TTYT-KHNV ngày 05/02/2024, hiện đơn vị đang chỉnh sửa, bổ sung các nội dung, phác đồ điều trị của các khoa để ban hành phác đồ điều trị bổ sung.

<sup>1</sup> Quyết định số 186/QĐ-TTYT ngày 29/03/2022; Quyết định số 01/QĐ-TTYT ngày 04/01/2023; Quyết định số 101/QĐ-TTYT ngày 22/03/2024.

- Chỉ định thực hiện các dịch vụ kỹ thuật theo đúng tình trạng bệnh lý của người bệnh và thanh quyết toán theo đúng Thông tư số 35/2016/TT-BYT ngày 28/9/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với dịch vụ kỹ thuật y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.

- Sử dụng thuốc theo đúng nội dung của Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đơn vị thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm Y tế.

- Sử dụng vật tư tiêu hao theo đúng quy định của Bộ Y tế theo Quyết định số 355/QĐ-BYT ngày 09/02/2012 của Bộ Y tế ban hành quyết định phê duyệt danh mục định mức tạm thời thuốc, hóa chất và vật tư tiêu hao và theo thực tế sử dụng.

### **1.2. Quản lý Hồ sơ bệnh án**

- Đơn vị có bố trí kho lưu trữ hồ sơ, bệnh án riêng biệt và lưu trữ khoa học, gọn gàng, theo đúng thứ tự dễ lấy, dễ theo dõi. Có phân công nhân viên phụ trách việc rà soát, sắp xếp, lưu trữ và theo dõi.

- Có ban hành các Quy trình lưu trữ hồ sơ bệnh án<sup>2</sup> đầy đủ và thực hiện theo đúng quy trình đã được ban hành.

- Hồ sơ lưu trữ được sắp xếp theo đúng trình tự thời gian lưu trữ, cập nhật đầy đủ thông tin và được lãnh đạo đơn vị phê duyệt trước khi sắp xếp vào kho lưu trữ.

- Người bệnh khi đến khám và điều trị tại đơn vị đều có hồ sơ lưu trữ bao gồm bệnh án có đầy đủ các biểu mẫu chăm sóc liên quan đến diễn biến, quá trình điều trị và chăm sóc.

- Hồ sơ bệnh án được ghi chép đầy đủ, rõ ràng, có hệ thống giúp cho công tác chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, chăm sóc, nghiên cứu khoa học và đào tạo đạt kết quả cao.

### **1.3. Điều trị ngoại trú**

- Bệnh nhân khám điều trị ngoại trú tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Glông trung bình 55 lượt/ ngày, cao nhất khoảng 80 lượt/ngày.

- Bệnh nhân tới được bốc số, khám, kê đơn và cấp phát thuốc theo đúng quy trình và trình tự.

STT	Cơ sở khám chữa bệnh	ĐVT	Tổng số lượt KCB	Ghi chú
-----	----------------------	-----	------------------	---------

<sup>2</sup> Quy trình quản lý HSBA tại khoa và Trạm Y tế xã: QT.69.HT ngày 31/01/2022; Quy trình quản lý, tiếp nhận, kiểm tra, lưu trữ hồ sơ bệnh án nội trú: QT.46.HT ngày 31/01/2022; Quy trình trích sao, sao y hồ sơ bệnh án: QT.52.HT ngày 31/01/2022.

<b>Năm 2023</b>				
1	TTYT huyện	Lượt	28.973	
2	Trạm Y tế	Lượt	14.635	
<b>Tổng</b>			<b>43.608</b>	
<b>Năm 2024 (từ 01/01/2024 – 28/8/2024)</b>				
1	TTYT huyện	Lượt	14.461	
2	Trạm Y tế	Lượt	7.367	
<b>Tổng</b>			<b>21.828</b>	

#### **1.4. Điều trị nội trú**

- Đối với bệnh nhân được chỉ định vào điều trị nội trú: Đúng theo tình trạng bệnh lý của người bệnh và khả năng chuyên môn của Bệnh viện, số ngày điều trị nội trú tùy theo tình trạng bệnh lý của người bệnh, trung bình 5 ngày.

STT	Cơ sở khám chữa bệnh	ĐVT	Tổng số lượt điều trị nội trú	Ghi chú
<b>Năm 2023</b>				
1	TTYT huyện	Lượt	2.327	
2	Trạm Y tế	Lượt	06	
<b>Tổng</b>			<b>2.333</b>	
<b>Năm 2024 (từ 01/01/2024 – 28/8/2024)</b>				
1	TTYT huyện	Lượt	1.755	
2	Trạm Y tế	Lượt	07	
<b>Tổng</b>			<b>1.762</b>	

- Tần suất chỉ định sử dụng dịch vụ kỹ thuật, thuốc, vật tư y tế, đặc biệt là chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh XQ cho người bệnh:

+ Điều trị bệnh nhân nội trú: Tổng số giường kế hoạch: 76 giường; Tổng số giường thực kê: 92 giường; Số bệnh nhân trung bình thời điểm hiện tại từ 20 - 30 bệnh nhân nội trú/ngày; Công suất sử dụng giường bệnh trung bình: 28,2%.

+ Số lượt xét nghiệm trung bình từ 50 ca/ngày đến 100 ca/ngày.

+ Số lượt chụp X-quang trung bình từ 10 ca/ngày đến 30 ca/ngày.

+ Số lượt Siêu âm trung bình từ 15ca/ngày đến 20 ca/ngày.

+ Đoàn tiên hành bốc ngẫu nhiên 10 bệnh án ngoại trú và 10 hồ sơ đơn thuốc ngoại trú của mỗi xã để điều tra xác minh. Kết quả, 20/20 trường hợp (đạt 100%) được xác minh đều trùng khớp giữa việc thanh quyết toán kinh phí khám,

chữa bệnh bảo hiểm y tế của đơn vị y tế và việc cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh và cấp thuốc cho người dân. Nhiều người dân được xác minh điều hài lòng với thái độ của cán bộ y tế và chất lượng khám, điều trị của đội ngũ y, bác sỹ trên địa bàn; một số người dân cũng đề nghị mong muốn tiếp tục được Đảng, Nhà nước và Sở Y tế quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để các Trạm y tế ngày càng đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân

## **2. Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm theo quy định Thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/01/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng phòng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

- Nguồn nhân lực hiện tại của Khoa XN-CDHA có 07 người: Bộ phận Xét nghiệm có 05 người; trong đó có: 04 Cử nhân xét nghiệm, 01 KTV xét nghiệm, Bộ phận Siêu âm: 01 Bác Sĩ đa khoa; X-Quang: 01 KTV X-quang.

- Tổng số danh mục kỹ thuật xét nghiệm đã được phê duyệt: 132 dịch vụ kỹ thuật; trong đó: Quyết định số 972/QĐ-SYT ngày 23/7/2015: 33 kỹ thuật; Quyết định số 353a/QĐ-SYT ngày 29/02/2016: 69 kỹ thuật; Quyết định số 317/QĐ-SYT ngày 09/05/2017: 04 kỹ thuật; Quyết định số 972/QĐ-SYT ngày 02/11/2017: 08 kỹ thuật; Quyết định số 1752/QĐ-SYT ngày 18/05/2018: 07 kỹ thuật; Quyết định số 517/QĐ-SYT ngày 27/07/2020: 07 kỹ thuật. Quyết định số 861/QĐ-SYT ngày 19/08/2021: 01 kỹ thuật. Quyết định 389/QĐ-SYT ngày 06/03/2023: 03 kỹ thuật). Đơn vị có khả năng thực hiện được 100% DMKT đã được Sở Y tế phê duyệt. Giám sát đánh giá chất lượng kế hoạch hoạt động theo quý dựa vào kế hoạch chuyên môn năm 2023, 2024 kế hoạch hoạt động cải tiến chất lượng năm 2023; 2024, kế hoạch bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị năm 2023; 2024 để thực hiện và làm cơ sở để đánh giá chất lượng.

- Đối với hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm: Đơn vị có phòng xét nghiệm riêng biệt để thực hiện công tác xét nghiệm, phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp II. Có hồ sơ và bản tự công bố phòng xét nghiệm đạt chuẩn an toàn sinh học cấp II theo Nghị định 103/2016/NĐ-CP và đã được đăng tải trên website của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông ngày 19/03/2020.

- Quản lý chất lượng xét nghiệm:

Trung tâm Y tế Đắk Glong đã ban hành Đề án số 01-ĐA-TTYT ngày 03/02/2022 Đề án thành lập tổ quản lý chất lượng năm 2022; Quyết định số 162/QĐ-TTYT ngày 24/03/2022 Quyết định ban hành quy chế hoạt động Hội đồng quản lý chất lượng; Quyết định 166/QĐ-TTYT ngày 24/03/2022 Quyết định kiện toàn Hội đồng quản lý chất lượng; Quyết định số 167/QĐ-TTYT ngày 24/03/2022 Quyết định ban hành quy chế hoạt động mạng lưới quản lý chất lượng; Quyết định số 183/QĐ-TTYT ngày 26/06/2024 Quyết định kiện toàn mạng lưới quản lý chất lượng; Quyết định số 184/QĐ-TTYT ngày 26/06/2024 về ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Quản lý chất lượng; Quyết định số 185/QĐ-TTYT ngày 26/06/2024 về ban hành Quy chế hoạt động mạng lưới quản lý chất lượng; Quyết định số 186/QĐ-TTYT ngày 26/06/2024 Kiện toàn Tổ quản lý chất lượng có đính kèm Quy chế hoạt động của Hội đồng QLCL;

Quyết định số 12/QĐ/TTYT ngày 15 tháng 01 năm 2023 về thành lập Tổ quản lý chất lượng phòng xét nghiệm y học. Đơn vị đã ban hành các kế hoạch: Kế hoạch số 03/KHXN-CĐHA ngày 10/01/2023 Kế hoạch hoạt động xét nghiệm năm 2023; Kế hoạch số 07/KHXN-CĐHA ngày 06/01/2023 Kế hoạch hiệu chuẩn định kỳ trang thiết bị năm 2023. Kế hoạch 04a/KHXN-CĐHA ngày 06/01/2023 về bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ máy móc TTB năm 2023. Kế hoạch số 09/KHXN-CĐHA ngày 26/01/2023 kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn năm 2023.

- Nội dung quản lý chất lượng của phòng xét nghiệm:

+ Trung tâm Y tế đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-TTYT ngày 20/06/2020 kế hoạch sử dụng TTBYT đến năm 2025; Kế hoạch số 133/KH-TTYT ngày 14/06/2023 kế hoạch kiểm định, hiệu chuẩn TTBYT năm 2023 và Kế hoạch số 138/KH-TTYT ngày 16/04/2024 kế hoạch kiểm định, hiệu chuẩn TTBYT năm 2024.

+ Khoa xét nghiệm trong năm 2023 đã ban hành các kế hoạch: Kế hoạch số 02/2023/KH-KXN-CĐHA ngày 10/01/2023 kế hoạch Nội kiểm xét nghiệm năm 2023; Kế hoạch số 06/2023/KH-KXNCĐHA kế hoạch Ngoại kiểm xét nghiệm năm 2023; Kế hoạch số 03/KH-KXNCĐHA ngày 02/01/2023 về phòng ngừa, phương án xử lý sự cố an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm; Kế hoạch số 10/2023/KH-KXNCĐHA ngày 10/04/2023 kế hoạch tập huấn sổ tay chất lượng xét nghiệm năm 2023; trong năm 2024: Khoa xét nghiệm có xây dựng kế hoạch số 01/KH-KXNCĐHA ngày 12/01/2024 Kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2024; Kế hoạch số 02/KH-KXNCĐHA ngày 02/01/2024 kế hoạch ngoại kiểm xét nghiệm năm 2024; Kế hoạch số 03/KH-KXNCĐHA ngày 01/01/2024 Kế hoạch nội kiểm xét nghiệm năm 2024; Kế hoạch bảo trì bảo dưỡng và hiệu chuẩn trang thiết bị khoa XN-CĐHA năm 2024; Kế hoạch số 06/KH-KXNCĐHA ngày 03/01/2024 về phòng ngừa, phương án xử lý sự cố an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.

- Biên soạn các sổ tay như: Sổ tay an toàn *mã tài liệu: XNYH.ST.03* được soạn thảo, xem xét, phê duyệt ngày 15/06/2023; sổ tay chất lượng *mã tài liệu: XNYH.ST.01* được soạn thảo, xem xét, phê duyệt ngày 15/06/2023; Sổ tay lấy mẫu *mã tài liệu: XNYH.ST.02* được soạn thảo, xem xét, phê duyệt ngày 15/06/2023; Biên soạn 19 Hướng dẫn sử dụng trang thiết bị; 05 Hướng dẫn công việc (*sự cố: mất điện, khí dung, hóa chất, tràn đổ trong và ngoài tủ ATSH; sự cố tổn thương do vật sắc nhọn, cháy nổ, đổ vỡ và an toàn hóa học*); Biên soạn các quy trình kỹ thuật SOP cho tất cả các quy trình chuyên môn của phòng xét nghiệm với tổng: **91** quy trình; bao gồm: Quy trình quản lý và Quy trình kỹ thuật trong đó có tổng: **41** quy trình quản lý và **50** quy trình kỹ thuật. Các quy trình được biên soạn, xem xét và ban hành phê duyệt đầy đủ đảm bảo thực hiện công tác quản lý chất lượng xét nghiệm.

Các hoạt động thực hiện nội kiểm, ngoại kiểm được triển khai thực hiện và ghi chép trong sổ nhật ký nội kiểm và các kết quả ngoại kiểm được lưu trữ nội bộ tại khoa XN-CĐHA.

Trong thời kỳ thanh tra, đơn vị có thực hiện các Báo cáo số 872/BC-TTYT ngày 19/12/2022 báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2022 & phương hướng nhiệm vụ, giải pháp năm 2023; Báo cáo số 389/BC-TTYT ngày 14/07/2023 về báo cáo kết quả đánh giá chất lượng bệnh viện 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo số 725/BC-TTYT ngày 13/12/2023 báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2023 & phương hướng nhiệm vụ, giải pháp năm 2024; Báo cáo số 269/BC-TTYT ngày 05/7/2024 báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá công tác cải tiến chất lượng 06 tháng đầu năm 2024; Báo cáo số 228/BC-TTYT ngày 18/06/2024 báo cáo sơ kết công tác y tế 6 tháng đầu năm 2024 & phương hướng, nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2024.

- Nội dung bảo đảm thực hiện quản lý chất lượng phòng xét nghiệm:

+ Công tác đào tạo, tập huấn: Hàng năm, Trung tâm Y tế huyện đều cử cán bộ khoa XN-CDHA tham dự đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn; năm 2023: tham gia các lớp đào tạo về ngoại kiểm tra chất lượng XN (thời gian tổ chức tập huấn tháng 3/2023); nội kiểm tra (thời gian tổ chức tập huấn tháng 5/2023); chẩn đoán và điều trị lao tiềm ẩn (thời gian tổ chức tập huấn tháng 6/2023); tập huấn an toàn sinh học cơ bản (thời gian tổ chức tập huấn tháng 6/2023); lấy mẫu bảo quản vận chuyển và kỹ thuật xét nghiệm sốt xuất huyết Dengue (thời gian tổ chức tập huấn tháng 7/2023); tập huấn ký sinh trùng sốt rét và tét nhanh cho cán bộ tuyến huyện và xã năm 2023 (thời gian tổ chức tập huấn tháng 7/2023); Phòng chống dịch và ATSH trong lấy mẫu đóng gói vận chuyển tại tỉnh Đắk Nông (thời gian tổ chức tập huấn tháng 9/2023); Tập huấn nâng cao năng lực HIV (thời gian tổ chức tập huấn tháng 10/2023); quản lý chất lượng XN (thời gian tổ chức tập huấn tháng 10/2023).

+ Có sơ đồ tổ chức, mô tả công việc, phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên, lưu trữ đầy đủ hồ sơ của từng nhân viên; áp dụng phương pháp 5S trong lưu trữ hệ thống tài liệu thuận lợi cho quá trình kiểm soát, theo dõi, tra cứu và sử dụng.

### **3. Việc chấp hành quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế**

Trong thời kỳ thanh tra, hàng năm, Trung tâm Y tế huyện Đắk GLong đã xây dựng và ban hành các kế hoạch: Kế hoạch số 55/ KH-TTYT ngày 22/03/2023; Kế hoạch số 24/ KH-TTYT ngày 23/01/2024 về Quản lý chất thải.

Đơn vị đã tiến hành ký hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Cường Thịnh Tây Nguyên về việc lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ năm 2022 theo Hợp đồng ký số 01-2022/HĐKT-CTTN-TTYTĐM, ngày 25/01/2022; Báo cáo kết quả quan trắc môi trường cả năm 2022 và năm 2023: Các chỉ số phân tích về nước thải (pH, BOD5, COD, TSS, N-NH4+, N-NO3, P-PO43-, dầu mỡ động thực vật, Coliform, Salmonella, Shighella, Vibriocholera), khí thải (SO2, NOx, CO, Bụi tổng, HCl, Pb, Cd, Hg, Nhiệt độ), không khí (độ ồn, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, SO2, NO2, CO), nước ngầm (pH, độ cứng

CaCO<sub>3</sub>, N-NO<sub>3</sub>, As, SO<sub>4</sub>, Fe, Cu, Zn, Cl, Coliform) nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép.

Về đăng ký hoạt động chủ nguồn chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải được cấp có thẩm quyền cấp: Đơn vị có thực hiện khai báo số đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (mã số QLCTNH: 67.000013.T), ngày khai báo đăng ký 16/12/2009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất số 41/GP-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông.

- Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt: Đơn vị có Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Hợp tác xã thương mại dịch vụ Thuận Việt Đắk Glong: Năm 2023, ký hợp đồng số 01/2023/HĐKT ngày 31/12/2022, năm 2024, ký hợp đồng số 01/2024/HĐKT ngày 31/12/2023. Thời hạn hợp đồng là 01 năm. Thời gian thu gom 01 tuần 03 lần đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt tiến hành thu gom và vận chuyển rác đi xử lý theo đúng thời gian và đúng quy định không để rác tồn đọng lại đơn vị.

- Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại lây nhiễm cho một số phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Đắk Glong.

- Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại có ghi cụ thể thời gian, tổng số lượng chất thải nguy hại được giao: Thực hiện đầy đủ theo quy định tại Phụ lục số 06 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021; Tại nơi lưu giữ đều có sổ giao nhận chất thải hàng ngày.

- Sổ nhật ký vận hành thiết bị, hệ thống xử lý nước thải lỏng: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021; Thực hiện ghi chép cập nhật theo lượng nước vào và ra, định kỳ phân tích chất theo quy định.

- Quyết định thành lập Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn, Quyết định phân công phụ trách công tác quản lý chất thải y tế: Quyết định số 35/QĐ-TTYT ngày 09/03/2023 về việc kiện toàn Hội Đồng Kiểm soát nhiễm khuẩn; Quyết định số 33/QĐ-TTYT ngày 09/03/2023 về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng Kiểm soát nhiễm khuẩn; Quyết định số 31/QĐ-TTYT ngày 13/3/2023 về việc kiện toàn mạng lưới kiểm soát nhiễm khuẩn; Quyết định số 40/QĐ-TTYT ngày 13/3/2023 về việc giao phụ trách điều hành công tác quản lý chất thải, tổ quản lý chất thải; Quyết định số 38/QĐ-TTYT ngày 13/3/2023 Quyết định về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên của bộ phận Kiểm soát nhiễm khuẩn; Quyết định số 89/QĐ-TTYT ngày 20/3/2024 về Kiện toàn hội đồng kiểm soát nhiễm khuẩn tại Trung tâm Y tế; Quyết định số 104/ QĐ-TTYT ngày 28/3/2024 kiện toàn mạng lưới kiểm soát nhiễm khuẩn Trung tâm Y tế; Quyết định số 127/QĐ-TTYT ngày 09 tháng 4 năm 2024 về phân công nhiệm vụ cho viên chức phụ trách công tác nhiễm khuẩn tại Trung tâm; Quyết định số 105-QĐ/TTYT ngày 28 tháng 03 năm 2024 Quyết định ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới kiểm soát nhiễm khuẩn tại trung tâm Y tế; Quyết định số 90-QĐ-



TTYT ngày 20 tháng 3 năm 2024 Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Hội Đồng Kiểm Soát nhiễm khuẩn tại Trung tâm Y tế.

- Công tác báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý chất thải y tế: Công tác báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý chất thải y tế: Thực hiện đầy đủ báo cáo đột xuất và định kỳ theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021;

- Hàng năm, đơn vị đã xây dựng kế hoạch tập huấn cho CBVC đơn vị về phân loại và xử lý chất thải y tế: Đơn vị có xây dựng kế hoạch tập huấn số 54/KH-TTYT ngày 21/03/2023 kế hoạch tập huấn kiểm soát nhiễm khuẩn năm 2023; Kế hoạch số 117/ KH-TTYT ngày 22/4/2024 kế hoạch tập huấn kiểm soát nhiễm khuẩn năm 2024; Tổng số cán bộ tham gia tập huấn là hơn 90 người bao gồm cả tuyến trạm.

#### **4. Chấp hành các quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị y tế**

- Đơn vị có thành lập Hội đồng khoa học và Công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn, thực hiện nghiên cứu khoa học và quyết định các vấn đề đầu tư mua sắm thiết bị y tế: Quyết định số 143/QĐ-TTYT ngày 05/9/2023; Quyết định số 92/QĐ-TTYT ngày 21/3/2024.

- Cán bộ quản lý trang thiết bị có chứng chỉ đào tạo về quản lý trang thiết bị. Trang thiết bị được bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng, sử dụng và tuân thủ các hướng dẫn khác theo quy định của nhà sản xuất và được kiểm định theo quy định để đảm bảo chất lượng.

- Đơn vị có xây dựng kế hoạch sử dụng trang thiết bị: Kế hoạch số 105/KH- TTYT ngày 29/3/2024 kế hoạch nhu cầu sử dụng TTBYT giai đoạn 2024- 2026 và trình cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt: Tờ trình số 19/ TTr-TTYT ngày 29/3/2024 về việc xin phê duyệt định mức TTB giai đoạn 2024-2026.

- Đơn vị thực hiện việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị đúng theo quy định (thực hiện theo quy trình xây dựng danh mục trình các cấp có thẩm quyền).

- Có xây dựng Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị: Kế hoạch số 133/ KH- TTYT ngày 14/6/2023 kế hoạch Kiểm định, hiệu chuẩn TTBYT năm 2023; Kế hoạch số 85/KH- TTYT ngày 14/4/2023; Kế hoạch số 139/KH- TTYT ngày 10/4/2024 kế hoạch bảo trì bảo dưỡng kiểm định hiệu chuẩn thiết bị máy móc năm 2024.

- Lập, quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ về trang thiết bị; Thực hiện hạch toán kịp thời, đầy đủ trang thiết bị y tế về hiện vật và giá trị theo quy định hiện hành của pháp luật về kế toán, thống kê và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đơn vị thành lập đoàn kiểm kê, thực hiện việc kiểm kê tài sản hàng năm theo quy định: Quyết định số 111/QĐ- TTYT ngày 22/6/2023 về quyết định thành lập đoàn kiểm kê tài sản, y dụng cụ và TTBYT tại các khoa, phòng và các TYT xã trực thuộc TTYT huyện Đăk Glong năm 2023; Thông báo số 21/TB-

TTYT ngày 21/6/2023 về thông báo lịch kiểm kê tài sản, y dụng cụ và thiết bị máy móc tại các khoa phòng và các TYT xã năm 2023.

- Lập sổ theo dõi quản lý trang thiết bị y tế theo quy định trên phần mềm quản lý tài sản công Misa.

- Thực trạng sử dụng trang thiết bị: Số lượng trang thiết bị y tế đã được đưa vào sử dụng; số lượng trang thiết bị y tế đã được đầu tư, tiếp nhận nhưng chưa được đưa vào sử dụng, nguyên nhân (kể cả trang thiết bị bị thu hồi, số trang thiết bị hết hạn sử dụng...) đơn vị đã có Báo cáo số 544/TTYT-KHNV ngày 26/9/2023 về việc khảo sát việc quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế tại Trung tâm Y tế Đăk Glong; Báo cáo số 399/TTYT-KHNV ngày 9/8/2024 về việc rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản công liên quan lĩnh vực quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế tại Trung tâm Y tế Đăk Glong gửi Sở Y tế.

## **5. Chấp hành các quy định về chính sách BHYT**

### ***5.1. Công tác phổ biến, tập huấn, triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn liên quan đến chính sách BHYT***

- Tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đăk Glong theo Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện Đăk Glong.

- Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền Điều 215 Bộ Luật Hình sự quy định về tội gian lận bảo hiểm y tế cho người dân trên địa bàn bằng cách đăng tải nội dung tuyên truyền theo Công văn số 1193/BHXH-TT ngày 31/08/2023 của BHXH tỉnh Đăk Nông trên Website, trang Facebook trung tâm.

- Tham dự Hội nghị trực tuyến triển khai Nghị định số 75/2023/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế tại điểm cầu Sở Y tế theo Giấy mời số 1024/GM-BYT ngày 10/11/2023; tham dự Hội nghị trực tuyến tổng kết Luật BHYT giai đoạn 2009-2023 tại điểm cầu Sở Y tế theo Giấy mời số 66/GM-BYT ngày 23/01/2024.

- Ban hành Công văn số 29/TTYT-KHNV ngày 24/01/2024 của TTYT huyện Đăk Glong về việc chấn chỉnh công tác KCB đảm bảo thanh quyết toán BHYT; Báo cáo số 93/BC-TTYT ngày 12/03/2024 báo cáo Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, thanh toán quyết toán BHYT; thực hiện chương trình hỗ trợ hợp tác với Thành phố HCM, triển khai kế hoạch khám chữa bệnh từ xa; Công văn số 111/TTYT-KHNV ngày 26/03/2024 của TTYT huyện Đăk Glong về việc đăng ký danh sách tham dự Hội thi “Thầy thuốc giỏi chuyên môn, vững bảo hiểm y tế” lần 1, năm 2024; Công văn số 324/TTYT ngày 28/06/2024 về việc thực hiện các BHYT; Công văn số 415/TTYT-KHNV ngày 21/08/2024 của TTYT huyện Đăk Glong về việc tham gia góp ý đối với dự thảo Thông tư Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế của Bộ Y tế.

### ***5.2. Việc triển khai, thực hiện hợp đồng KCB BHYT***

Năm 2023, BHXH huyện Đắk Glong và đơn vị đã thỏa thuận, thống nhất ký kết hợp đồng KCB BHYT số 01/HĐKCB-BHYT ngày 30/12/2022. Năm 2024, BHXH huyện Đắk Glong và đơn vị đã thỏa thuận, thống nhất ký kết hợp đồng KCB BHYT số 03/HĐKCB-BHYT ngày 28/12/2023.

Năm 2023, tổng chi phí khám chữa bệnh BHYT phát sinh tại cơ sở KCB TTYT Đắk Glong là 11.462.684.812 đồng; trong năm 2023, cơ quan BHXH đã tạm ứng cho cơ sở khám chữa bệnh: 10.570.293.279 đồng và 6.779.269 đồng năm 2022 chuyển sang năm 2023. Tổng thu: 10.577.072.548 đồng. Trong 06 tháng đầu năm 2024, tổng chi phí KCB BHYT phát sinh tại cơ sở khám chữa bệnh TTYT Đắk Glong là: 5.259.892.009 đồng, cơ quan BHXH đã tạm ứng cho cơ sở khám chữa bệnh số tiền 4.422.298.270 đồng và 277.028.259 đồng chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Trong năm 2024 đã chuyển tiếp số kinh phí còn lại cho cơ sở khám chữa bệnh: 1.570.862.788 đồng.

Qua kiểm tra việc ký kết hợp đồng KCB BHYT năm 2023 và đến tháng 6/2024 các bên đã thực hiện đúng theo quy định của Luật BHYT, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP về việc hướng dẫn một số điều của Luật BHYT và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan.

### **5.3. Cải cách thủ tục hành chính trong khám, chữa bệnh Bảo hiểm Y tế (BHYT) và kết quả triển khai hoạt động về quy trình thủ tục khám, chữa bệnh cho bệnh nhân BHYT**

- Căn cứ các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế<sup>3</sup>, đơn vị tham mưu văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính trong khám, chữa bệnh Bảo hiểm Y tế tại đơn vị, cụ thể: Công văn số 75/TTYT-KHNV, ngày 24/3/2023 của Trung tâm huyện Đắk Glong về việc cấp, cấp lại Giấy chứng sinh, giấy báo tử và liên thông dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử lên cổng giám định BHYT triển khai Đề án 06; Kế hoạch số 34/KH-TTYT ngày 27/02/2023 của TTYT huyện Đắk G'Long về việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ngoại trú tại TTYT huyện Đắk G'Long; Kế hoạch số 146/KH-TTYT ngày 25/04/2024 của TTYT huyện Đắk Glong về việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong giai đoạn 2024-2025.

- Kết quả trước và sau khi triển khai các quy trình đã được cải cách trong khám, chữa bệnh BHYT:

+ Tổng số bệnh nhân khám bệnh năm 2023: 37. 614 (BHYT: 35.647), trong đó 5.695 lượt KCB BHYT bằng căn cước công dân gắn chip (*trong đó tại tuyến huyện 4.393 trường hợp; tại TYT các xã 1.302 trường hợp*).

+ Tổng số bệnh nhân khám bệnh năm 2024 (tính đến ngày 30/7/2024): 18.928 (BHYT: 17.528), trong đó 5.272 lượt KCB BHYT bằng căn cước công

<sup>3</sup> Quyết định số 1313/QĐ-BYT, ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế về việc Ban hành Hướng dẫn Quy trình khám bệnh tại khoa Khám bệnh của Bệnh viện; Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT, ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế.

dân gắn chip (trong đó tại tuyến huyện 3.486 trường hợp, tại TYT các xã 1.786 trường hợp).

#### 5.4. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hoá trong quy trình tiếp nhận, quản lý hồ sơ bệnh án

-Trung tâm Y tế huyện đã tổ chức triển khai áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hoá trong quy trình tiếp nhận, quản lý hồ sơ bệnh án, xây dựng và ban hành quy trình tiếp nhận, quản lý hồ sơ bệnh án thủ công và tự động tại đơn vị<sup>4</sup>.

- Báo cáo số kết quả thực hiện tiếp nhận, quản lý hồ sơ bệnh án tại sổ và trên phần mềm (số liệu lấy từ ngày 01/01/2023 đến 20/7/2024):

+ Tiếp nhận, quản lý trên sổ:

Sau khi bệnh nhân ra viện, các khoa hoàn thiện HSBA, ghi mã số HSBA và tên bệnh nhân vào sổ nộp HSBA về phòng KHNV; Số lượng HSBA nộp: 4.729 hồ sơ bệnh án.

Phòng KHNV: Kiểm tra và tiếp nhận 4.729 hồ sơ bệnh án.

Bảng thống kê chi tiết HSBA trên sổ

STT	HSBA theo khoa/Chẩn đoán	HSBA năm 2023 (01/01/2023-31/12/2023)	HSBA lưu kho 7 tháng đầu năm 2024 (01/01/2024-30/7/2024)	Tổng HSBA lưu kho từ 01/01/2024-30/7/2024	Ghi chú
1	HSBA Cách ly	0	0		
2	HSBA Covid	0	0		
3	HSBA HSCC	555	357	912	
4	HSBA Nội- Nhi- Nhiễm	1029	628	1657	
5	HSBA Ngoại	415	270	685	
6	HSBA Sản-PK	274	166	440	
7	HSBA Tử vong	10	06	16	
8	HSBA YHCT nội trú	60	54	114	
9	HSBA YHCT ngoại trú	599	306	905	
	Tổng	2.942	1787	4.729	

+ Tiếp nhận, quản lý trên phần mềm: Nhân viên quản lý HSBA nhập mã lưu trữ trên phần mềm VNPT His theo khoa, theo thời gian và xuất sổ lưu trữ từ phần mềm để lưu tại phòng Lưu trữ HSBA Tổng số hồ sơ bệnh án đã lưu trữ: 4.729 hồ sơ.

Bảng thống kê chi tiết HSBA trên phần mềm

<sup>4</sup> Quy trình số QT.46.HT ngày 30/01/2022 ban hành kèm theo Quyết định 106/QĐ-TTYT ngày 30/01/2022 của Trung tâm Y tế huyện Đắk G'Long về việc ban hành quy trình Tiếp nhận, kiểm tra và lưu trữ Hồ sơ bệnh án.

STT	HSBA theo khoa/Chẩn đoán	HSBA năm 2023 (01/01/2023-31/12/2023)	HSBA lưu kho 7 tháng đầu năm 2024 (01/01/2024-30/7/2024)	Tổng HSBA lưu kho từ 01/01/2023-30/7/2024	Ghi chú
1	HSBA Cách ly	0	0	0	
2	HSBA Covid	0	0	0	
3	HSBA HSCC	555	357	912	
4	HSBA Nội – Nhi – Nhiễm	1029	628	1657	
5	HSBA Ngoại	415	270	685	
6	HSBA Sản-PK	274	166	440	
7	HSBA Tử vong	10	06	16	
8	HSBA YHCT nội trú	60	54	114	
9	HSBA YHCT ngoại trú	599	306	905	
	<b>Tổng</b>	<b>2.942</b>	<b>1787</b>	<b>4.729</b>	

- Việc ứng dụng phần mềm quản lý Bảo hiểm Y tế phục vụ công tác theo dõi, báo cáo, thanh quyết toán chi phí khám, chữa bệnh Bảo hiểm Y tế: Phòng Hành chính – Kế toán phối hợp với phòng Kế hoạch – nghiệp vụ chịu trách nhiệm quản lý, điều hành và tham mưu các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế. Đảm bảo công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế.

- Về mã hóa, ánh xạ các dịch vụ y tế:

+ Tổng danh mục kỹ thuật được phê duyệt: 3.614 danh mục.

Đã mã hóa và ánh xạ: 2.824 danh mục

Chưa mã hóa và ánh xạ: 790 danh mục (Chưa có mã tương đương theo các Quyết định của Bộ Y tế).

Mã hóa và ánh xạ: 635 danh mục thuốc tại đơn vị.

Mã hóa và ánh xạ: 23 danh mục vật tư y tế tại đơn vị.

+ Tình hình liên thông, trích chuyển dữ liệu điện tử khám, chi gửi dữ liệu đề nghị thanh toán Bảo hiểm y tế (Từ ngày 01/01/2023 đến 30/7/2024)

Tổng số hồ sơ đúng: 53.567 hồ sơ

Tổng số hồ sơ gửi đúng ngày: 51.9590 hồ sơ (97%)

Tổng hồ sơ gửi giám định: 53.567 hồ sơ (100%)

Tổng hồ sơ chưa gửi giám định: 0 hồ sơ (0%)

Trong đó Trung tâm Y tế huyện:

Tổng số hồ sơ đúng: 32.693 hồ sơ

Tổng số hồ sơ gửi đúng ngày: 32.039 hồ sơ (98%)

Tổng hồ sơ gửi giám định: 32.693 hồ sơ (100%)

Tổng hồ sơ chưa gửi giám định: 0 hồ sơ (0%)

Các Trạm Y tế xã:

Tổng số hồ sơ đúng: 20.874 hồ sơ

Tổng số hồ sơ gửi đúng ngày: 19.830 hồ sơ (95%)

Tổng hồ sơ gửi giám định: 20.874 hồ sơ (100%)

Tổng hồ sơ chưa gửi giám định: 0 hồ sơ (0%)

+ Tình hình hồ sơ đã gửi thanh toán qua công giám định, số hồ sơ giám định (từ ngày 01/01/2023 đến 30/7/2024):

Tổng số hồ sơ: 53.567 hồ sơ

Tổng chi phí phát sinh: 17.685.943.551 đồng

Tổng bị từ chối: 62.734.702 đồng.

**Trong đó:**

Tại Trung tâm Y tế huyện: số hồ sơ gửi công giám định đề nghị là: 32.693 hồ sơ với tổng chi phí phát sinh đề nghị thanh toán là: 14.804.440.267 đồng, số cơ quan BHXH chấp nhận thanh toán là: 14.757.804.781 đồng, số từ chối thanh toán là: 46.635.486 đồng.

Tại các trạm Y tế: số hồ sơ gửi công giám định đề nghị là: 10.874 hồ sơ với tổng chi phí phát sinh đề nghị thanh toán là: 2.881.503.284 đồng; số cơ quan BHXH chấp nhận thanh toán là: 2.865.404.068 đồng, số từ chối thanh toán là: 16.099.216 đồng.

Nguyên nhân từ chối thanh toán chủ yếu liên quan đến việc chỉ định thuốc, cận lâm sàng thiếu chẩn đoán, hoặc kê đơn thuốc chưa đảm bảo đúng với tờ hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

- Kiểm thử việc tiếp nhận dữ liệu theo Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế về chuẩn và định dạng dữ liệu ra ban đầu (gọi tắt là Quyết định số 130/QĐ-BYT)

Đơn vị đã chủ động phối hợp đơn vị cung cấp phần mềm khám chữa bệnh VNPT His trong việc thực hiện tiếp nhận dữ liệu khám, chữa bệnh BHYT theo chuẩn và định toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (theo Thông tư 48/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ Y tế);

Định kỳ hàng ngày đơn vị đều hoàn thiện hồ sơ thanh toán KCB BHYT và trích chuyển dữ liệu yêu cầu đề nghị thanh toán chi phí KCB BHYT. Đối với hồ sơ đề nghị thanh toán KCB BHYT chưa hợp lý khi chuyển lên công giám định BHYT bị cảnh báo, đơn vị phối hợp với bộ phận giám định bảo hiểm y tế

để kiểm tra lại và tiếp tục trích chuyển dữ liệu yêu cầu đề nghị thanh toán. Thời gian trích chuyển dữ liệu yêu cầu đề nghị thanh toán chi phí KCB BHYT đúng theo quy định theo Thông tư 48/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ Y tế.

Cụ thể năm 2023 đơn vị đã gửi 21.330 hồ sơ; 7 tháng đầu năm 2024 đã gửi 4.623 hồ sơ.

+ Năm 2023: Tổng chi phí khám chữa bệnh BHYT phát sinh dạng dữ liệu ra ban đầu ban hành theo Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế.

Trích chuyển dữ liệu điện tử trong quản lý và thanh quyết toán

Tại cơ sở KCB TTYT Đắk Glong là 11.462.684.812 đồng, trong năm 2023, cơ quan BHXH đã tạm ứng và quyết toán cho cơ sở khám chữa bệnh: 9.169.414.672 đồng; cụ thể như sau:

Ngày tháng	Nội dung	Số tiền
11/01/2023	Tạm ứng kinh phí KCB BHYT quý 1 năm 2023	2.336.909.630
14/7/2023	Tạm ứng kinh phí KCB BHYT quý 2 năm 2023	1.901.075.114
07/10/2023	Tạm ứng kinh phí KCB BHYT quý 3 năm 2023	2.375.089.706
11/10/2023	Tạm ứng kinh phí KCB BHYT quý 4 năm 2023	2.529.768.820
08/12/2023	Chi quyết toán kinh phí KCB BHYT quý 1/2023	26.571.402

Trong năm 2024, đã chuyển đủ số kinh phí còn lại cho cơ sở khám chữa bệnh cụ thể:

Ngày tháng	Nội dung	Số tiền
27/03/2024	Quyết toán đến quý 1,2,3/2023	1.570.862.788
5/8/2024	Quyết toán KP Q4 2023	722.723.370

Hiện tại cơ quan BHXH không còn nợ chi phí khám chữa bệnh BHYT năm 2023 của cơ sở KCB TTYT ĐắkGlong.

+ Năm 2024: Trong 06 tháng đầu năm 2024, tổng chi phí KCB BHYT phát sinh tại cơ sở khám chữa bệnh TTYT Đắk Glong là: 5.259.892.009 đồng, cơ quan BHXH đã tạm ứng cho cơ sở khám chữa bệnh số tiền 4.422.298.270 đồng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; cụ thể như sau:

Ngày tháng	Nội dung	Số tiền
12/01/2024	Tạm ứng kinh phí KCB BHYT quý 1 năm 2024	2.400.548.744
10/04/2024	Tạm ứng kinh phí KCB BHYT quý 2 năm 2024	2.021.749.526

## 6. Tổ chức hoạt động khoa dược

**6.1. Tình hình nhân sự khoa dược:** Hoạt động của khoa dựa vào bảng mô tả vị trí việc làm theo hướng dẫn của Thông tư 22/2011/TT-BYT:

STT	Phân loại cán bộ	Tổng số		
		Tổng số	Nam	Nữ
1	Thạc sĩ			
2	Dược sĩ CKI			
3	Dược sĩ ĐH	02	01	01
4	Dược CĐ	02		02
5	Dược sĩ TH	02		02
6	Dược tá			
7	CN Dược			
8	Khác	01	01	
<b>Cộng</b>		<b>07</b>	<b>02</b>	<b>05</b>

*Cụ thể:*

(1) Lê Trần Minh Tuyên: Ds Đại học, Phụ trách chung, Nghiệp vụ dược, Kiêm nhiệm dược lâm sàng.

(2) Nguyễn Thị Thành: Ds Cao đẳng, Thống kê dược.

(3) Nguyễn Thị Phương: Ds Trung học, Cấp phát thuốc ngoại trú.

(4) Nguyễn Thị Hạnh: Ds Trung học, Cấp phát thuốc nội trú, Quản lý kho vật tư, hoá chất.

(5) Đỗ Thị Nhung: Ds Cao đẳng, Quản lý kho tổng (Chính).

(6) H Hương: Ds Đại học, Quản lý kho chương trình, Quản lý thuốc Gây nghiện hướng thân.

(7) Cao Thanh Hiếu: Ks Trang thiết bị, Quản lý trang thiết bị.

## **6.2. Tổ chức cung ứng thuốc, dược liệu, hoá chất, vật tư y tế tiêu hao**

- Khoa Dược duyệt thuốc trước khi cấp phát.

- Khoa Dược làm đầu mối cung ứng thuốc, dược liệu, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao cho các Trạm Y tế theo dự trù của từng Trạm Y tế xã và theo nhu cầu sử dụng cho từng quý trong năm.

- Cung ứng thuốc theo phiếu lĩnh cho từng khoa lâm sàng trong đơn vị (phiếu lĩnh thuốc hàng ngày).

- Khoa Dược bảo đảm việc cấp phát thuốc, hóa chất (pha chế, sát khuẩn) đầy đủ và kịp thời theo Phiếu lĩnh thuốc, hóa chất của khoa lâm sàng, cận lâm sàng.



- Đảm bảo cung ứng đủ thuốc cho nhu cầu điều trị và nhu cầu đột xuất khác.

- Đầu mỗi tổ chức đấu thầu (hoặc tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc của đơn vị trình cấp có thẩm quyền) mua thuốc theo Luật đấu thầu và các quy định hiện hành liên quan.

- Khoa Dược hoạt động theo quy trình đã được soạn thảo của đơn vị gồm có 02 quy trình SOP: Quy trình cấp phát thuốc KCB ngoại trú (QT.47.HT) và Quy trình cấp phát thuốc, hoá chất, VTHH trong điều trị nội trú (QT.48.HT).

### **6.3. Quản lý, theo dõi nhập, xuất thuốc, dược liệu, hoá chất, vật tư y tế tiêu hao**

- Tất cả các loại thuốc, dược liệu, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phải được kiểm nhập trước khi nhập kho.

- Khi nhận hàng kiểm tra điều kiện bảo quản đối với các thuốc có yêu cầu bảo quản đặc biệt hoặc theo yêu cầu trên nhãn hàng hóa.

- Vào sổ kiểm nhập thuốc.

- Hiện tại đơn vị đang sử dụng phần mềm VNPTHIS để theo dõi nhập xuất thuốc, dược liệu, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao (có thể lấy báo cáo theo yêu cầu đột xuất hoặc theo định kỳ hàng tháng, quý theo năm). Đồng thời đơn vị lưu các báo cáo trên giấy tờ đã được Lãnh đạo ký.

- Công tác xuất nhập thuốc thực hiện theo Quy trình nhập thuốc, VTYT, hoá chất (QT 04) và Quy trình xuất thuốc, VTYT, hoá chất (QT 05).

- Hiện tại tồn kho tại đơn vị tương đối nhiều so với số sử dụng liên kế năm trước, dẫn đến tình trạng công nợ các công ty cung ứng thuốc, VTYT nhiều và kéo dài, tại công nợ là: **8.448.834.568 đồng**, trong đó tồn kho là hơn **5 tỷ** (Phụ lục chi tiết kèm theo).

- Tình hình cung ứng sử dụng thuốc năm 2023 tại đơn vị:

Tên đơn vị	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất (Thực sử dụng) BV & Trạm	Tồn cuối kỳ	Ghi chú
TTYT	<b>TỔNG CHUNG</b>	<b>3.468.949.251</b>	<b>8.249.814.824</b>	<b>7.381.787.007</b>	<b>4.336.977.068</b>	
	Thuốc	2.262.106.265	5.219.229.771	4.701.850.839	2.779.485.197	
	VTHC	653.402.960	1.565.234.780	1.165.694.443	1.052.943.297	
	<b>Tổng TTYT</b>	<b>2.915.509.225</b>	<b>6.784.464.551</b>	<b>5.867.545.282</b>	<b>3.832.428.494</b>	
7 TRẠM Y TẾ XÃ	Thuốc	482.234.321	1.374.321.993	1.416.475.012	440.081.302	
	VTHC	71.205.705	91.028.280	97.766.713	64.467.272	
	<b>Tổng 7 Trạm</b>	<b>553.440.026</b>	<b>1.465.350.273</b>	<b>1.514.241.725</b>	<b>504.548.574</b>	

### **6.4. Công tác bảo quản thuốc tại kho**

- Có sổ theo dõi công tác bảo quản, kiểm soát, sổ theo dõi nhiệt độ, độ ẩm tối thiểu 2 lần (sáng, chiều) trong ngày và theo dõi xuất, nhập sản phẩm.
- Tránh ánh sáng trực tiếp và các tác động khác từ bên ngoài.
- Thuốc, hoá chất, vắc xin, sinh phẩm được bảo quản đúng yêu cầu điều kiện bảo quản do nhà sản xuất ghi trên nhãn hoặc theo yêu cầu của hoạt chất (với các nhà sản xuất không ghi trên nhãn) để đảm bảo chất lượng của sản phẩm.
- Tại kho thực hiện 15 quy trình SOP cho việc quản lý vắc xin; gồm:
  - Quy trình tiếp nhận vắc xin, dung môi (QTC-01 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình bảo quản vắc xin trong tủ lạnh dương (QTC-02 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình bảo quản vắc xin trong buổi tiêm chủng (QTC-03 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình làm đông băng và rã đông bình tích lạnh (QTC-04 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình đóng gói vắc xin vào hòm lạnh (QTC-05 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình đóng gói vắc xin vào phích vắc xin (QTC-06 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình phân bổ và cấp phát vắc xin tuyến huyện (QTC-07 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình vận chuyển vắc xin bằng hòm lạnh hoặc phích vắc xin (QTC-08 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình theo dõi và ghi chép nhiệt độ bảo quản vắc xin (QTC-09 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình thu hồi, biệt trữ vắc xin (QTC-10 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình bảo dưỡng tủ lạnh bảo quản vắc xin (QTC-11 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình vệ sinh kho, kiểm soát côn trùng, xử trí lọ vắc xin vỡ (QTC-12 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình xử trí tình huống khẩn cấp vắc xin bảo quản trong tủ lạnh (QTC-13 Ngày 30/9/2020).
  - Quy trình giám sát quản lý, bảo quản vắc xin (QTC-14 ngày 30/9/2020).
  - Quy trình kiểm tra, theo dõi chất lượng vắc xin trong kho (QTC-15 ngày 30/9/2020).
- Thuốc cần kiểm soát đặc biệt (thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ) và thuốc bảo quản ở điều kiện nhiệt độ đặc biệt thì bảo quản theo quy định hiện hành và yêu cầu của nhà sản xuất.

Theo dõi hạn dùng của thuốc thường xuyên. Khi phát hiện thuốc gần hết hạn sử dụng hoặc thuốc còn hạn sử dụng nhưng có dấu hiệu nứt, vỡ, biến màu, vẫn đục phải để khu vực riêng chờ xử lý.

Thuốc, hoá chất dễ cháy nổ, vắc xin, sinh phẩm bảo quản tại kho riêng.

**6.5. Triển khai thực hiện sử dụng thuốc an toàn, hợp lý theo Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011**

- Khoa Dược chịu trách nhiệm cập nhật thông tin về thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc cho Bác sỹ, dược sỹ, điều dưỡng viên, Nữ hộ sinh và người bệnh. Thực hiện theo quy trình đã được soạn thảo của đơn vị gồm có 03 quy trình sau: Quy trình thông tin thuốc (QT.49.HT), Quy trình giám sát sai sót trong sử dụng thuốc (QT.53.HT), Quy trình xử lý thuốc chất lượng không đảm bảo (QT.58.HT).

- Khoa dược đã áp dụng quy trình 03 quy trình này tham mưu 02 Quyết định:

Quyết định số: 413/QĐ-TTYT ngày 04/11/22 về việc thành lập Đơn vị thông tin thuốc năm 2022;

Quyết định số: 414/QĐ-TTYT ngày 04/11/22 về việc Phân công nhiệm vụ cho cán bộ làm công tác dược lâm sàng và thông tin thuốc.

- Đơn vị đã triển khai Kế hoạch số: 127 KH-TTYT ngày 12/6/2023 về việc Kế hoạch tập huấn hướng dẫn về sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Hoạt động dược lâm sàng theo Nghị định 131/2020/NĐ-CP ngày 02/11/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Hiện tại Khoa Dược chưa có Dược sỹ lâm sàng mà chỉ kiêm nhiệm thêm công tác dược lâm sàng khi có yêu cầu hoặc khi có phản ứng có hại của thuốc xảy ra tại đơn vị.

Đơn vị đã ban hành Quy trình SOP: Quy trình giám sát phản ứng có hại (ADR) của thuốc (QT.50.HT).

Có Quyết định số: 414/QĐ-TTYT ngày 04/11/22 về việc Phân công nhiệm vụ cho cán bộ theo dõi và báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR).

Năm 2023, đơn vị đã triển khai Kế hoạch số: 128 KH-TTYT ngày 12/6/2023 về việc Kế hoạch tập huấn hướng dẫn thu thập báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR).

**6.6. Công tác theo dõi, báo cáo ADR theo Quyết định số 1088/QĐ-BYT ngày 04/4/2013. Hiện nay được thay thế bởi Quyết định số 29/QĐ-BYT ngày 05/01/2022**

- Trong năm 2023, không có trường hợp ADR tại đơn vị.

- Công tác theo dõi, báo cáo ADR vẫn được duy trì tại đơn vị khi có phản ứng có hại của thuốc xảy ra tại đơn vị.

- Hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị theo Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013:

+ Có tham mưu xây dựng danh mục thuốc dùng tại đơn vị.

+ Xây dựng phác đồ điều trị tại đơn vị theo Quyết định số: 106/QĐ-BV ngày 13/9/2018.

+ Quy chế hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị đã ban hành Quyết định số: 411/QĐ-TTYT ngày 04/11/2022 về việc Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị Trung tâm Y tế Đắk Glong. Quyết định số: 412/QĐ-TTYT ngày 04/11/2022 về việc thành lập các Tiểu ban của Hội đồng thuốc và điều trị.

+ Hàng năm, Khoa Dược, Trung tâm Y tế huyện đều xây dựng kế hoạch hoạt động công tác dược: năm 2023, kế hoạch số 02/ KH-KD ngày 05/01/2023; năm 2024 kế hoạch số 01/KH-KD ngày 8/2/2024.

+ Theo dõi tình hình sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

+ Tổ chức bình bệnh án, bình đơn thuốc tại đơn vị.

+ Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR).

+ Tổ chức thông tin, tư vấn cho bác sỹ lựa chọn thuốc điều trị, hỗ trợ thông tin thuốc cho điều dưỡng sử dụng thuốc: Hội đồng thuốc và điều trị, hội chuyên môn.

+ Tổ chức tập huấn kiến thức sử dụng thuốc cho bác sỹ, dược sỹ trong đơn vị.

**6.7. Quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt theo Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017**

Danh mục thuốc gây nghiện hướng thân tại đơn vị 2023

TT	Tên thuốc, dạng bào chế, nồng độ/ hàm lượng, quy cách đóng gói	Đơn vị tính
1	Feniamol 50mcg/1ml	Ống
2	Morphin 10mg/1ml	Ống
3	Opiophin 10mg/ml	Ống
4	Pethidine-hameln 100mg/2ml	Ống
5	Diazepam 10mg/2ml	Ống
6	Diazepam 5mg	Viên
7	Ephedrin aguetant 30mg/ml	Ống
8	Zodalan 5mg/ml	Ống
9	Methadone hydrochloride 10mg/ml	Ml
10	Phenobarbital 0,1g	Viên

- Thuốc có yêu cầu kiểm soát đặc biệt (thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ) làm biên bản kiểm nhập riêng.

- Đơn vị thực hiện có báo cáo định kỳ hoặc đột xuất có yêu cầu của cấp trên.

- Quản lý, bảo quản theo đúng quy định của Thông tư 20/TT-BYT ngày 10/05/2017.

- Quản lý, bảo quản bằng tủ sắt và két sắt riêng.

- Đơn vị có ban hành Quyết định phân công được sĩ quản lý, bảo quản thuốc gây nghiện hướng thần: số 471/QĐ-TTYT ngày 31/12/2022 về việc ủy quyền “dự trữ, mua, vận chuyển, quản lý và cấp phát” thuốc hướng thần, gây nghiện nguồn ngân sách nhà nước năm 2023. Tuy nhiên đơn vị chưa xây dựng quy trình quản lý thuốc kiểm soát đặc biệt.

### **III. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA**

#### **1. Nhận xét chung**

##### **1.1. Những mặt đã làm được**

###### **1.1.1. Chấp hành Quy chế Bệnh viện**

###### **a) Xây dựng và áp dụng Quy trình kỹ thuật**

- Đơn vị đã tổ chức thực hiện đúng hướng dẫn Quy trình khám bệnh tại khoa Khám bệnh theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế. Quy trình khám bệnh được thể hiện qua sơ đồ, công khai để người bệnh và nhân viên y tế biết, thực hiện.

- Việc triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh triển khai đến các khoa phòng với nhiều hình thức như: phổ biến trong giao ban, làm việc trực tiếp với các khoa, phòng, chuyển văn bản qua hệ thống...

- Việc thực hiện các quy định về chỉ định sử dụng dịch vụ kỹ thuật, thuốc, vật tư y tế, chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, phẫu thuật, thủ thuật, chỉ định người bệnh vào điều trị nội trú phù hợp.

- Về trách nhiệm thực hiện các quy định về tổ chức, quy trình khám bệnh, chữa bệnh tại khoa khám bệnh đã thực hiện các quy định về tổ chức, quy trình khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế ban hành Quy chế bệnh viện như: Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc từ các cơ sở y tế chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh chữa bệnh nội trú hoặc ngoại trú; Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước; Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh thông thường về nội khoa và các trường hợp cấp cứu về ngoại khoa; Tổ chức chuyển người bệnh lên tuyến trên khi vượt quá khả năng của bệnh viện; Đã triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám

bệnh, chữa bệnh theo Chỉ thị 05/CT-BYT ngày 10/9/2012 của Bộ Y tế về việc tăng cường nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh sau khi điều chỉnh giá dịch vụ y tế; Đã triển khai quy trình khám bệnh, chữa bệnh theo các bước quy định tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của Bệnh viện.

*b) Quản lý Hồ sơ bệnh án*

- Hồ sơ bệnh án tại khoa, phòng được giữ gìn cẩn thận và quản lý, lưu trữ rất khoa học theo quy định Quản lý và lưu trữ HSBA của Bộ Y tế.

- Bệnh án được lưu trữ khoa học, gọn gàng, theo đúng thứ tự, dễ lấy, dễ theo dõi.

*c) Điều trị ngoại trú:* Kê đơn và cấp thuốc đầy đủ cho bệnh nhân theo đúng quy định.

*d) Điều trị nội trú:* Số ngày điều trị, các chỉ định thuốc, cận lâm sàng và thủ thuật được thực hiện đúng quy định.

*1.1.2. Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm theo quy định Thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/01/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng phòng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*

- Kết quả xét nghiệm bảo đảm chất lượng: Khoa XN-CDHA đã tham mưu, phối hợp phòng KHNV, phòng HC-KT thực hiện công tác giám sát khoa XN-CDHA công tác triển khai các hoạt động quản lý chất lượng xét nghiệm tại khoa. Bám sát vào kế hoạch của đơn vị, khoa XN-CDHA cũng đã triển khai thực hiện tại khoa theo Thông tư và Bộ tiêu chí ban hành.

- Đã hoàn thành mục tiêu xây dựng các quy trình và biểu mẫu theo yêu cầu tại Thông tư 01/2013/TT-BYT và đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 2429/QĐ-BYT, ngày 12/6/2017 Ban hành Tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học.

- Nhân viên thực hiện cách vận hành máy theo đúng quy định hướng dẫn được treo tại máy. Thực hiện theo các quy trình xét nghiệm đã ban hành và các hướng dẫn công việc để giảm thiểu sai sót, sự cố trong chuyên môn.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình (SOP) các xét nghiệm.

- Thực hiện nội kiểm hằng ngày các trang thiết bị xét nghiệm (kiểm tra chất lượng của trang thiết bị xét nghiệm trước khi trả kết quả cho bệnh nhân). Thực hiện thêm ngoại kiểm sinh hóa: sinh hóa, huyết học trong năm 2023, 2024 (so với năm 2021 chỉ mới ngoại kiểm HIV).

*1.1.3. Việc chấp hành quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế*

- Công tác thực hiện quản lý chất thải được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc. Bộ phận phụ trách thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân loại, thu gom, xử lý, vận chuyển.

- Định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn, đào tạo về công tác quản lý chất thải y tế rắn, lỏng nên nhân viên được cập nhật kiến thức mới để áp dụng trong thực hiện công tác chuyên môn hàng ngày.

*1.1.4. Chấp hành các quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị y tế*

Đơn vị thực hiện đúng quy định theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

*1.1.5. Chấp hành các quy định về chính sách BHYT*

- Công tác phổ biến, tập huấn, triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn liên quan đến chính sách BHYT được đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Góp phần nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể tại đơn vị và người lao động trong việc thực thi, chấp hành các quy định của Luật BHXH để đảm bảo quyền lợi của người tham gia đóng bảo hiểm.

- Ký kết hợp đồng KCB BHYT năm 2023 và đến tháng 6/2024 các bên đã thực hiện đúng theo quy định của Luật BHYT, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP về việc hướng dẫn một số điều của Luật BHYT và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan.

- Đã tổ chức xây dựng và triển khai việc cải cách quy trình thủ tục trong Khám, chữa bệnh BHYT và tổ chức thực hiện Khám, chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân gắn chip.

- Đã xây dựng và bố trí nhân sự phụ trách giám sát và theo dõi việc triển khai quy trình tự động trong việc tiếp nhận và quản lý hồ sơ bệnh án trên sổ và trên phần mềm.

- Bố trí kinh phí, nhân lực và triển khai, áp dụng các quy định về ứng dụng Công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm y tế trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.

- Thực hiện ánh xạ và mã hóa các danh mục dùng chung được phê duyệt để đáp ứng nhu cầu sử dụng và thanh quyết toán Bảo hiểm y tế của đơn vị. Đã tổ chức thực hiện việc liên thông, trích chuyển dữ liệu điện tử khám, chữa bệnh và gửi dữ liệu đề nghị thanh toán Bảo hiểm y tế.

*1.1.1. Tình hình tổ chức hoạt động Dược*

- Hoạt động công tác Dược tại TTYT Đăk Glong cơ bản đã triển khai và thực hiện đúng theo các các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn hàng tuần, tham gia hội chẩn khi được mời, tham gia bình bệnh án.

- Tại các kho cấp phát thuốc, các dược sỹ tư vấn về cách sử dụng thuốc và giải đáp các thắc mắc liên quan đến thuốc.

- Xây dựng được quy trình giám sát và báo cáo ADR tại Trung tâm.

- Hội đồng thuộc đã xác định được các nhiệm vụ trọng tâm, đã xây dựng kế hoạch hoạt động, quy định nhiệm vụ cho các thành viên của hội đồng.

## **1.2. Những mặt chưa làm được**

### **a) Xây dựng và áp dụng Quy trình kỹ thuật**

- Chưa phát huy và thu hút được bệnh nhân khám và điều trị nội trú tại Trung tâm Y tế huyện, công suất sử dụng giường bệnh thấp: 28,2%, chưa phát huy được trang thiết bị chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm hiện có, nhằm phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng tốt hơn.

- Kinh nghiệm của đội ngũ Y, Bác sĩ còn hạn chế do đó, khó khăn trong công tác khám, chữa bệnh; không thu hút được nhân lực trình độ chuyên môn sau đại học (tỷ lệ ít 6,4%), nên chưa triển khai hết được danh mục kỹ thuật theo định hướng phát triển của đơn vị.

*b) Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm theo quy định Thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/01/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng phòng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*

- Việc thực hiện ngoại kiểm của đơn vị còn hạn chế: công tác ngoại kiểm các xét nghiệm vi sinh, sinh hóa, huyết học chuyên sâu chưa thực hiện được do kinh phí lớn; các xét nghiệm vi sinh thuộc các mặt hàng hiếm chi phí rất cao.

- Công tác bảo trì, bảo dưỡng hiệu chuẩn, hiệu chỉnh trang thiết bị: kinh phí lớn nên chỉ ưu tiên được một số trang thiết bị thường xuyên sử dụng còn các máy khác chưa được thực hiện theo quy định.

*c) Việc chấp hành quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế*

Giấy phép xả thải, hồ sơ về môi trường còn thiếu nên khó khăn trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường.

### **d) Chấp hành các quy định về chính sách BHYT**

- Triển khai chưa đầy đủ việc tiếp nhận và lưu trữ HSBA tại đơn vị và đơn vị trực thuộc.

- Quy trình tiếp nhận và lưu trữ HSBA trên phần mềm chưa phù hợp với các bước thực hiện của đơn vị.

- Việc tiếp nhận dữ liệu Khám, chữa bệnh BHYT theo chuẩn và định dạng dữ liệu ra ban đầu ban hành theo Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế: chưa đưa vào thay thế chuẩn định dạng dữ liệu. Hiện tại Trung tâm Y tế huyện Đắk G'long đang phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm khám chữa bệnh VNPT His triển khai thực hiện theo Thông tư số 53/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ Y tế quy định điều kiện hoạt động y tế trên môi trường mạng. Còn thiếu hạ tầng cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết theo hướng dẫn tại Thông tư số 53/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 về quy định điều kiện hoạt động Y tế trên môi trường mạng.



- Tỷ lệ liên thông dữ liệu trên cổng dữ liệu Bộ Y tế chưa được thực hiện<sup>5</sup>, một số đơn vị<sup>6</sup> thực hiện chưa tốt việc liên thông dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 48/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ Y tế về quy định trích chuyển dữ liệu điện tử trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán BHYT.

#### *d) Tình hình tổ chức hoạt động Dược*

- Hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị theo Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013: Cần thực hiện phân tích ABC, VEN để đảm bảo trong việc xây dựng danh mục thuốc sử dụng tại BV một cách an toàn, hiệu quả và đánh giá được chi phí điều trị hợp lý.

- Chưa xây dựng quy trình quản lý thuốc kiểm soát đặc biệt.

- Công tác thông tin thuốc trong đơn vị chưa triển khai hiệu quả.

- Chưa chú trọng, phát huy hiệu quả trong công tác quản lý, báo cáo ADR, tỷ lệ báo cáo còn thấp, chất lượng chưa cao.

- Tình trạng thuốc tồn kho thuốc, vật tư y tế cho đến hiện tại rất cao so với mức sử dụng của năm liền kề, dẫn đến tình trạng công nợ các công ty cung ứng nhiều và kéo dài.

### **IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Đoàn thanh tra đã trao đổi, hướng dẫn đơn vị một số nội dung liên quan trong quá trình thực hiện các quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế; hướng dẫn đơn vị được thanh tra biện pháp khắc phục những tồn tại.

### **V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

#### **1. Đối với Sở Y tế**

Kính đề nghị Ban Giám đốc Sở, chỉ đạo các phòng chuyên môn của Sở Y tế và các đơn vị thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

Tăng cường chỉ đạo và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh BHYT tại các đơn vị, nhằm kịp thời phát hiện những thiếu sót, khuyết điểm để hướng dẫn, chấn chỉnh và đề xuất những giải pháp khắc phục, giúp đơn vị tháo gỡ khó khăn, hạn chế vi phạm và thực hiện tốt công tác KCB BHYT.

#### **2. Đối với cơ quan BHXH tỉnh**

Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, BHYT.

#### **3. Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong**

- Yêu cầu đơn vị, giải quyết dứt điểm công nợ cho các công ty cung ứng (với số tiền: **8.448.834.568 đồng**) theo đúng quy định của pháp luật.

<sup>5</sup> Khoản 1, Điều 2 Quyết định 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ Y tế quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế  
<sup>6</sup> Có tỷ lệ liên thông dữ liệu hằng ngày dưới 95% gồm các Trạm Y tế Thị trấn

- Có kế hoạch, chiến lược nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh để thu hút bệnh nhân đến khám bệnh, chữa bệnh và điều trị nội trú tại Trung tâm Y tế, Trạm Y tế các xã/thị trấn.

- Sắp xếp bố trí nhân lực hợp lý để cử viên chức tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm từng bước cải thiện chất lượng và hiệu quả trong công tác khám bệnh, chữa bệnh để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn ngày một tốt hơn.

- Trung tâm Y tế huyện Đăk Glông trên cơ sở hợp đồng KCB BHYT được ký kết, thực hiện đúng các quy định, có hiệu quả; nghiêm túc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong KCB BHYT, đảm bảo quyền lợi của người bệnh, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT.

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện KCB cho người bệnh có BHYT, nhất là về quy chế hồ sơ bệnh án, tổng hợp thanh toán nhằm phát hiện kịp thời, phòng ngừa các hành vi vi phạm về BHYT.

- Chỉ đạo các cá nhân, bộ phận liên quan thực hiện cập nhật chính xác, đầy đủ thông tin về tên, giá dịch vụ kỹ thuật và kiểm tra, đối chiếu thường xuyên, tránh nhầm lẫn, sai sót. Đầy đủ liệu KCB BHYT đầy đủ, kịp thời theo quy định của Bộ Y tế, BHXH Việt Nam.

- Quán triệt và tổ chức hiện các văn bản, quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

- Rà soát, hoàn thiện các quy trình cải tiến trong hoạt động khám, chữa bệnh BHYT phù hợp với hoạt động của đơn vị và đơn vị trực thuộc theo hướng dẫn và quy định hiện hành.

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình tiếp nhận và lưu trữ HSBA trên phần mềm; chỉ đạo việc triển khai đồng bộ việc tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ bệnh án tại đơn vị và đơn vị trực thuộc theo quy định.

- Tổ chức giám sát và đôn đốc các đơn vị trong việc thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ Y tế về quy định trích chuyển dữ liệu điện tử trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán BHYT.

- Tiếp tục phối hợp với bên cung ứng sớm hoàn thiện, khắc phục các lỗi và đảm bảo đầy đủ đúng quy định theo các văn bản hiện hành; tiếp tục triển khai thực hiện việc kiểm thử dữ liệu theo Quyết định số 130/QĐ-BYT; khẩn trương xây dựng và ban hành các quy trình trong tổ chức hoạt động y tế trên môi trường mạng theo quy định.

- Đơn vị xây dựng các quy trình liên quan đến quản lý thuốc kiểm soát đặc biệt theo quy định.

- Xây dựng định mức dự trữ thuốc trong kho theo quy định, tránh tình trạng để lượng tồn kho quá nhiều so với mức sử dụng liên kế theo tháng, quý, năm.

Yêu cầu Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong, báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản về Sở Y tế (qua Thanh tra Sở Y tế) trước ngày 15/11/2024.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện các quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong. Chánh Thanh tra Sở giao Trưởng Đoàn thanh tra công khai kết luận theo đúng quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Giám đốc, các P. Giám đốc Sở Y tế;
- Thanh tra tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- Các Phòng CMNV Sở;
- TTYT huyện Đắk Glong;
- Website Sở Y tế (công khai);
- Lưu: TTr, HS.

**CHÁNH THANH TRA**



**Mai Văn Mỹ**





**PHỤ LỤC**  
**CHI TIẾT CÔNG NỢ TẠI TTYT ĐẮK GLONG**  
*Kèm kết luận Thành tra công tác KCB BHYT tại TTYT Đắk Glong*

STT	TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP	NĂM CÔNG NỢ	SỐ NỢ	TỔNG NỢ
1	HOÀNG VŨ	2023	283,652,795	283,652,795
2	VTYT ĐẮKLẮK	2022	241,084,800	498,765,300
		2023	257,680,500	
3	GONSA	2020	548,031,081	1,475,902,498
		2021	13,650,000	
		2023	797,706,500	
		2024	116,514,917	
		2024	400,885,236	
4	THIÊN TÂM	2024	400,885,236	400,885,236
5	CODUPHA	2023	241,345,400	257,030,400
		2024	15,685,000	
6	BÌNH ĐỊNH	2024	19,551,000	19,551,000
7	PHARNAM (MERAP)	2024	116,200,000	116,200,000
8	HÀ LAN	2022	38,180,000	78,178,000
		2023	39,998,000	
9	META	2021	81,680,000	223,948,000
		2022	49,452,000	
		2023	65,852,000	
		2024	26,964,000	
10	AT&C	2023	129,120,180	191,310,420
		2024	62,190,240	
11	CPCI	2024	79,574,000	79,574,000
12	VIDIPHAR	2024	14,143,238	14,143,238
13	SAPHARCO	2023	124,933,100	141,465,000
		2024	16,531,900	
14	BẾN TRE	2023	107,217,660	122,367,990
		2024	15,150,330	
15	AGIMEXPHAM	2021	4,627,000	4,627,000
16	KIM LONG MN	2021	44,360,000	97,190,000
		2022	52,830,000	
17	VINPHARCO	2022	115,000,000	230,000,000
		2023	57,500,000	
		2024	57,500,000	
18	AVISPHARM	2022	147,000	3,612,000
		2023	1,365,000	
		2024	2,100,000	
19	AN THIÊN	2021	22,326,204	22,326,204
20	LONG XUYÊN	2021	4,640,000	4,640,000
21	VIỆT ĐỨC	2024	57,302,700	57,302,700
22	NAM ĐỒNG	2023	136,420,953	136,420,953
23	CP ĐẮKNÔNG	2019	233,462,196	413,049,196
		2020	168,277,000	
		2022	11,310,000	
24	TÂN AN	2024	44,695,980	44,695,980
25	MINH DÂN	2023	39,138,524	42,493,084
		2024	3,354,560	



STT	TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP	NĂM CÔNG NỢ	SỐ NỢ	TỔNG NỢ
26	VIMEDIMEX BD	2024	674,982	674,982
27	TỰ ĐỨC	2020	87,500,000	181,500,000
		2022	94,000,000	
28	PHÚC LONG	2021	27,929,997	31,394,997
		2023	3,465,000	
29	CHÂU Á-TBD	2023	32,200,000	32,200,000
30	TÂM ĐAN	2020	29,190,000	29,190,000
31	QUANG MINH	2020	13,230,000	123,934,685
		2022	31,180,125	
		2023	79,524,560	
32	AN QUỐC	2023	157,500,000	157,500,000
33	THUẬN PHÁT	2023	181,776,000	181,776,000
34	TƯỜNG THÀNH	2024	24,959,340	24,959,340
35	LONG PHÁT	2022	43,750,000	43,750,000
36	CN NHA TRANG MTV SG	2023	45,000,000	107,479,900
		2024	62,479,900	
37	SAVI	2024	51,913,950	51,913,950
38	XUÂN NGUYỄN	2023	151,730,300	151,730,300
39	TV FARM	2023	22,522,800	22,522,800
40	GIA NGUYỄN	2023	150,580,000	155,920,000
		2024	5,340,000	
41	MEDIPHARCO	2023	142,692,900	177,132,900
		2024	34,440,000	
42	HOÀNG ĐỨC	2024	48,308,400	48,308,400
43	QDU	2023	4,097,000	4,097,000
44	Y TẾ HÀ NỘI	2023	68,800,000	68,800,000
45	HÙNG THỊNH	2023	32,708,000	32,708,000
46	THẢO MỘC XANH	2023	29,970,000	29,970,000
47	PHẠM ANH	2023	38,268,000	55,436,000
		2024	17,168,000	
48	BÌNH AN	2023	12,487,500	12,487,500
49	NAM HÀ	2023	28,951,200	28,951,200
50	VẠN XUÂN	2023	27,810,000	71,710,000
		2024	43,900,000	
51	FITOPHARMA	2023	10,390,000	21,585,000
		2024	11,195,000	
52	SUMID	2024	127,420,000	127,420,000
53	NINH THUẬN	2024	58,976,400	58,976,400
54	ISAKA	2023	130,146,600	171,080,220
		2024	40,933,620	
55	KHANG HUY	2024	67,424,000	67,424,000
56	CÁT LÂM	2024	39,900,000	39,900,000
57	HQ	2024	13,800,000	13,800,000
58	BÌNH VIỆT ĐỨC	2024	270,000	270,000
59	Công ty Huỳnh Lê	2021	1,163,000,000	1,163,000,000
<b>TỔNG NỢ</b>			<b>8,448,834,568</b>	<b>8,448,834,568</b>

